

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH Đ  
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/10/2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH Đ, TỈNH BT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn H

Bà Đào Thị Tuyết Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Quốc H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh BT.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 108/2021/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2021 về tranh chấp: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 16 tháng 06 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 29/TB-TA ngày 29/9/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Thu S**, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp VH, xã VQT, huyện BĐ, tỉnh BT.

**- Bị đơn:** Anh **Lê Hồng T**, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp VH, xã VQT, huyện BĐ, tỉnh BT.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 05/3/202 và bản tự khai ngày 3/5/2021 nguyên đơn chị Lê Thị Thu S trình bày nội dung khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị cùng anh Lê Hồng T cưới nhau vào năm 1991 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VQT, huyện BĐ, tỉnh BT.

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 1992 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do chồng suốt ngày uống rượu, quậy phá, đánh đập chị rất nhiều lần và có lần đã gây thương tích cho chị,

chị đã chịu đựng nhiều năm nhưng anh Lê Hồng T không thay đổi. Từ những nguyên nhân trên đã làm cho vợ chồng không còn hạnh phúc.

Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hồng T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống với nhau có 03 con chung. Gồm: Lê Thị T Tr, sinh năm 1993; Lê Thị T L, sinh năm 1993; Lê Minh H, sinh năm 1999. Tất cả các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị Lê Thị Thu S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận, chị Lê Thị Thu S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Văn Anh đều vắng mặt mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ, nên không thể thu thập được lời khai.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Căn cứ Đơn xin xác nhận của Ủy ban nhân dân xã VQT ngày 05/3/2021 thì: Anh Lê Hồng T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp VH, xã VQT và hiện tại vẫn còn sinh sống tại địa phương.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ngày 03/5/2021 chị Lê Thị Thu S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị Thu S là đúng quy định.

#### **[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:**

Chị Lê Thị Thu S khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Lê Hồng T. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Theo xác nhận của Công an xã VQT, huyện BD anh Lê Hồng T có đăng ký thường trú tại: ấp VH, xã VQT, huyện BD, tỉnh BT. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện BD.

### ***Về nội dung vụ án:***

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu S và anh Lê Hồng T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VQT, huyện BD, tỉnh BT. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Thu S và anh Lê Hồng T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, vợ chồng thường hay cự cãi mà nguyên nhân được xác định là do anh Lê Hồng T thường xuyên uống rượu, bạo hành đối với chị Lê Thị Thu S. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Lê Hồng T các Giấy triệu tập để tham gia hòa giải nhằm mục đích cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Lê Hồng T không đến Tòa án. Từ những cơ sở trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Thu S và anh Lê Hồng T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thu S đối với anh Lê Hồng T.

[5] Ba người con chung của vợ chồng chị Lê Thị Thu S và anh Lê Hồng T đã trưởng thành và đều có khả năng lao động và hơn nữa chị Lê Thị Thu S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị Lê Thị Thu S khai là không có, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thu S đối

với anh Lê Hồng T. Chị Lê Thị Thu S được ly hôn với anh Lê Hồng T.

2. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về nợ chung: không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị Thu S đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0006317 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD. Vậy chị Thu S đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị Thu S, anh Lê Hồng T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã **VQT**;
- VKSND huyện BD;
- Chi cục THAD huyện BD;
- TAND tỉnh BT (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Loan**